

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2020.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Châu Văn Sang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 04/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị A T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp P L, xã T T, huyện V L, tỉnh V L.

Bị đơn: **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: tổ 8, ấp 1, xã B H T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A T trình bày:* chị và anh M được gia đình mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T, huyện V L, tỉnh V L ngày 28/7/2008. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, anh M thường xuyên uống rượu, đánh đập, chửi mắng, hăm dọa sẽ tạc axit chị và các con. Anh M còn gọi điện đe dọa cha mẹ chị, làm cho tinh thần của chị luôn bị bất an, lo lắng vì những lời nói và hành động bạo lực

của anh M. Mặc dù, đã nhiều lần chị T khuyên can mong anh M thay đổi nhưng anh M vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 10/2019, chị T và các con đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Kể từ thời gian đó vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 14/8/2012 và Nguyễn Văn Đ T, sinh ngày 10/10/2014, các con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung nêu trên, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng M nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và giấy khai sinh (bản sao).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con*”. Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã B H T, huyện Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện V L, tỉnh V L vào ngày 28/7/2008 nên hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu, đánh đập, chửi mắng, hăm dọa sẽ tạc axit chị và các con. Anh M còn gọi điện đe dọa cha mẹ chị T, làm cho tinh thần của chị luôn bị bất an, lo lắng vì những lời nói và hành

động bạo lực của anh M. Mặc dù, đã nhiều lần chị T khuyên can mong anh M thay đổi nhưng anh M vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 10/2019, chị T và các con đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn tới hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị T và anh M không có biện pháp hữu hiệu để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 14/8/2012 và Nguyễn Văn Đ T, sinh ngày 10/10/2014, các con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung nêu trên, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi các con chung.

Xét thấy, các con chung Nguyễn Ngọc T V và Nguyễn Văn Đ T đang sống với chị T, để đảm bảo cuộc sống, học tập ổn định cũng như việc phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho cháu Vy và cháu Khoa nên cần để cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu. Đồng thời, tại bản tự khai của cháu Vy cũng xác định khi cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được sống chung với chị T. Do đó, việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0003737 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 14/8/2012 và Nguyễn Văn Đ T, sinh ngày 10/10/2014, anh M không phải cấp dưỡng nuôi các con chung, do chị T không có yêu cầu.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0003737 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND xã T T, huyện V L, tỉnh V L;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Châu Văn Sang**